

Số: 387/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 26 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang
thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu ngày 29 tháng 11 năm 2024; Luật Quy hoạch ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Nghị quyết số 252/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 1684/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Tuyên Quang năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 ngày 25 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch năm 2017; Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; Nghị định số 22/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ

sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 96/NQ-CP ngày 14 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Quyết định số 369/QĐ-TTg ngày 04 tháng 5 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch vùng Trung du và Miền núi phía Bắc thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 325/QĐ-TTg ngày 30 tháng 3 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1339/QĐ-TTg ngày 13 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Hà Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1329/QĐ-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về phê duyệt nội dung lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 06 tháng 02 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 78/TTr-STC ngày 13 tháng 02 năm 2026; Báo cáo thẩm định số 40/BC-HĐTĐ ngày 02 tháng 02 năm 2026 của Hội đồng thẩm định điều chỉnh Quy hoạch tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 với những nội dung chủ yếu như sau:

I. PHẠM VI, RANH GIỚI ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH

Phạm vi lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang là toàn bộ địa giới hành chính tỉnh Tuyên Quang với tổng diện tích tự nhiên là 13.795,6 km². Ranh giới tọa độ địa lý từ 20°29' đến 22°42' vĩ độ Bắc và từ 104°50' đến 105°36' kinh

độ Đông, với 124 đơn vị hành chính cấp xã, bao gồm 117 xã và 07 phường. Phía Bắc tiếp giáp với tỉnh Vân Nam và tỉnh Quảng Tây - Nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa; phía Nam tiếp giáp với tỉnh Phú Thọ; phía Đông tiếp giáp với tỉnh Cao Bằng và tỉnh Thái Nguyên; phía Tây tiếp giáp với tỉnh Lào Cai.

II. QUAN ĐIỂM, TẦM NHÌN, MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN, CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VÀ CÁC KHẤU ĐỘT PHÁ

1. Quan điểm phát triển

a) Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 dựa trên nguyên tắc kế thừa tối đa các nội dung còn phù hợp của Quyết định số 325/QĐ-TTg ngày 30 tháng 3 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Quyết định số 1339/QĐ-TTg ngày 13 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Hà Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; phù hợp với chủ trương, đường lối phát triển của Đảng và Nhà nước, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội cả nước giai đoạn 2021 - 2030, các chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực quốc gia có liên quan; bảo đảm sự tuân thủ, tính liên tục, kế thừa và sự phù hợp với quy hoạch tổng thể quốc gia, các quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng Trung du và miền núi phía Bắc, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030.

b) Phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững; triển khai hiệu quả cải cách thể chế, tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi, phát triển mạnh khu vực tư nhân; tăng cường hội nhập quốc tế, liên kết vùng; thu hút nhân tài và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; xác định khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, chuyển đổi xanh là động lực chính, tận dụng thành công các cơ hội phát triển từ cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0.

c) Tập trung phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hạ tầng giao thông, đô thị; đầu tư phát triển và quản lý đô thị theo hướng xanh, thông minh và bản sắc; nâng cấp và phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội theo hướng hiện đại, đồng bộ và kết nối trên cơ sở tận dụng hiệu quả kết cấu hạ tầng, nhất là hạ tầng giao thông, hạ tầng số và hạ tầng cho phát triển kinh tế cửa khẩu, thương mại biên giới. Tổ chức không gian phát triển phù hợp với tiềm năng, lợi thế, điều kiện phát triển của địa phương; đầu tư có trọng điểm, tập trung vào một số địa bàn có điều kiện thuận lợi. Hình thành các vùng động lực, hành lang kinh tế gắn với những ngành, lĩnh vực Tỉnh có tiềm năng, thế mạnh.

d) Xác định giá trị văn hóa, con người là yếu tố nền tảng, sức mạnh nội sinh quan trọng cho sự phát triển bền vững. Phát huy mạnh mẽ nguồn lực con người; thu hút, trọng dụng nhân tài. Tăng cường giữ gìn, bảo tồn và phát huy giá trị bản

sắc văn hóa đặc sắc của các dân tộc trên địa bàn tỉnh gắn với đẩy mạnh phát triển du lịch, hợp tác quốc tế, xây dựng nông thôn mới và phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả, bền vững. Thực hiện tốt các chính sách xã hội đối với các tầng lớp dân cư, nhất là đồng bào vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới; gắn kết chặt chẽ tăng trưởng kinh tế với bảo vệ môi trường, bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội.

đ) Phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo vệ môi trường, hệ sinh thái, cảnh quan thiên nhiên, khai thác và sử dụng bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên, tài nguyên du lịch nhân văn. Xác định bảo vệ môi trường, sinh thái, thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu là điều kiện nền tảng, yếu tố tiên quyết cho phát triển bền vững kinh tế - xã hội; phát triển kinh tế theo hướng thúc đẩy tăng trưởng xanh, kinh tế tuần hoàn, phát thải các-bon thấp, hài hòa với thiên nhiên, tôn trọng quy luật tự nhiên, không đánh đổi môi trường lấy tăng trưởng kinh tế.

e) Kết hợp chặt chẽ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, hội nhập quốc tế với bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, an ninh, biên giới quốc gia. Cùng cố quốc phòng, an ninh; xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc và khu vực biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác, phát triển bền vững.

2. Mục tiêu phát triển đến năm 2030

a) Mục tiêu tổng quát

Phấn đấu đến năm 2030, tỉnh Tuyên Quang là tỉnh phát triển khá, toàn diện, bền vững, thu nhập trung bình cao; là một trong các cực tăng trưởng của vùng Trung du và miền núi phía Bắc. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch mạnh theo hướng phát triển các ngành công nghiệp, dịch vụ; du lịch trở thành động lực tăng trưởng chính; ngành nông nghiệp phát triển theo hướng sản xuất nông - lâm sản hàng hóa, ứng dụng công nghệ, hiệu quả cao. Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh. Hình thành khung hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, an toàn. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Phát triển toàn diện về văn hóa - xã hội, cải thiện và nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân. Quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường sinh thái, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu. Bảo đảm quốc phòng - an ninh vững chắc, trật tự an toàn xã hội; hợp tác, hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng; khu vực biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển bền vững.

b) Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể đến năm 2030

- Về kinh tế

+ Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) (giá hiện hành) đạt 170.000 tỷ đồng.

+ Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) (giá so sánh 2010) bình quân giai đoạn 2026-2030 đạt 10,5%/năm.

+ Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) bình quân đầu người đến năm 2030 (giá hiện hành) đạt 95 triệu đồng/người.

+ Kinh tế số đạt tối thiểu 20% GRDP.

+ Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn phân đầu đạt 12.000 tỷ đồng.

+ Năng suất lao động đạt trên 213 triệu đồng/lao động.

+ Duy trì tổng sản lượng lương thực có hạt hằng năm đạt trên 75 vạn tấn.

+ Thu hút 6,0 triệu lượt khách du lịch.

- Về xã hội

+ Chỉ số phát triển con người (HDI) đạt 0,72.

+ Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia cấp học Mầm non đạt 73%, cấp học phổ thông đạt 80%.

+ Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt từ 72% trở lên, trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt từ 30% trở lên.

+ 100% xã, phường có thiết chế văn hóa - thể thao phù hợp, được quản lý, khai thác và phát huy hiệu quả; 100% thôn, tổ dân phố có Nhà văn hóa - Khu thể thao phục vụ sinh hoạt cộng đồng và tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao quần chúng; 90% số hộ gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hóa; 85% số thôn, tổ dân phố đạt danh hiệu văn hóa; 95% cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa.

+ Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) là 22%. Tuổi thọ trung bình của người dân đạt 75,5 tuổi, thời gian sống khỏe đạt tối thiểu 68 năm. Đạt bao phủ bảo hiểm y tế toàn dân.

+ Số giường bệnh/vạn dân đạt 44 giường và số bác sỹ/vạn dân đạt 11 bác sỹ. Phân đầu 100% xã, phường đạt tiêu chí Quốc gia về y tế xã.

+ Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo quốc gia giảm bình quân 3-4%/năm.

+ Tỷ lệ xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới đạt 51,28%.

- Về môi trường

+ Tỷ lệ che phủ rừng đạt 62,2%.

+ Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn đạt 95,5%.

+ Tỷ lệ chất thải y tế được xử lý đạt 100%.

+ Tỷ lệ khu công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường đạt 100%.

- Về quốc phòng - an ninh

Bảo đảm vững chắc quốc phòng - an ninh trên địa bàn tỉnh; gắn kết chặt chẽ, hài hòa giữa phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội với đảm bảo quốc phòng - an ninh; ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội.

3. Tầm nhìn đến năm 2050

Phấn đấu đến năm 2050, tỉnh Tuyên Quang là tỉnh phát triển, thu nhập cao; tự cường, tự tin trong kỷ nguyên mới, phát triển phồn vinh, hạnh phúc; là một trung tâm kết nối giao thương kinh tế giữa Việt Nam và các nước ASEAN với Trung Quốc. Đô thị văn minh, phát triển theo hướng xanh, thông minh. Nông thôn phát triển, môi trường sáng - xanh - sạch - đẹp, giàu bản sắc văn hóa dân tộc. Môi trường có chất lượng tốt, hài hòa với thiên nhiên, phát triển hiệu quả theo hướng các-bon thấp; góp phần thực hiện mục tiêu giảm phát thải ròng của quốc gia về "0" vào năm 2050. Người dân được thụ hưởng môi trường sống chất lượng cao, xã hội hài hòa, bản sắc văn hóa được bảo tồn, phát huy giá trị.

4. Các nhiệm vụ trọng tâm và các khâu đột phá phát triển

a) Các nhiệm vụ trọng tâm

- Hoàn thiện cơ chế, chính sách, nâng cao chất lượng dịch vụ công, cải cách hành chính, thuận lợi hóa thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian, giảm chi phí tuân thủ, tạo điều kiện thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, tạo sức hấp dẫn cho hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh. Đổi mới, nâng cao hiệu quả xúc tiến đầu tư, thu hút mạnh mẽ các dự án đầu tư, đặc biệt là các dự án lớn có sức lan tỏa, các nhà đầu tư chiến lược.

- Đẩy mạnh phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực tăng trưởng quan trọng nhất của nền kinh tế. Hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, hợp tác xã, có giải pháp hỗ trợ hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp; thúc đẩy đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp. Chú trọng nâng cao hiệu quả, phát huy vai trò chủ đạo, tiên phong, định hướng chiến lược của kinh tế Nhà nước trong những ngành, lĩnh vực then chốt, thiết yếu, chiến lược; dẫn dắt, hỗ trợ các thành phần kinh tế khác cùng phát triển.

- Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng từng bước đồng bộ, hiện đại, tập trung vào hạ tầng giao thông đường bộ, hạ tầng đô thị, hạ tầng số và thông tin truyền thông, hạ tầng khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, cấp điện, cấp nước, thương mại, thủy lợi, xử lý chất thải, phòng chống thiên tai; ưu tiên các công trình, dự án trọng điểm có tính đột phá, có phạm vi tác động rộng đến kinh tế - xã hội, tạo động lực phát huy tiềm năng, lợi thế của các vùng, khu vực có tiềm năng trong tỉnh.

- Tiếp tục khai thác tiềm năng, lợi thế để đẩy mạnh phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh. Phát triển kinh tế di sản, liên kết di sản

thiên nhiên, văn hóa, lịch sử cách mạng. Xây dựng Khu di tích quốc gia đặc biệt Tân Trào trở thành điểm đến du lịch về nguồn hàng đầu cả nước; xây dựng Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Cao nguyên đá Đồng Văn, Khu bảo tồn thiên nhiên Na Hang - Lâm Bình trở thành khu du lịch quốc gia; Khu du lịch Suối khoáng Mỹ Lâm trở thành Khu du lịch nghỉ dưỡng cao cấp; phát huy giá trị điểm đến Cột cờ Lũng Cú là điểm đến du lịch đặc thù; định hướng Mã Pì Lèng, sông Nho Quế, danh thắng quốc gia ruộng bậc thang Hoàng Su Phì trở thành trung tâm du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, du lịch khám phá, trải nghiệm, có thương hiệu và sức cạnh tranh cao. Xây dựng và phát triển công nghiệp văn hóa mang đậm bản sắc văn hóa các dân tộc. Thu hút nhà đầu tư, xây dựng sản phẩm du lịch đặc thù, khác biệt gắn với đặc trưng riêng có của các khu du lịch.

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trên cơ sở phát triển hệ thống cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học và hệ thống giáo dục phổ thông; thu hút, sử dụng hiệu quả nhân tài; đào tạo và tái đào tạo lực lượng lao động.

- Tập trung tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng gắn với xây dựng nông thôn mới. Đẩy mạnh phát triển sản xuất hàng hóa nông nghiệp, ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ vào sản xuất nâng cao chất lượng và giá trị sản phẩm gắn với sản phẩm chủ lực, thế mạnh, đặc sản của địa phương; tập trung phát triển kinh tế rừng; thúc đẩy hợp tác, liên kết, phát triển chuỗi giá trị.

- Bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp, nâng cao đạo đức xã hội, ý thức pháp luật, xây dựng văn hóa và con người Tuyên Quang. Đầu tư xây dựng, hoàn thiện thiết chế văn hóa, thể thao đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa và nâng cao sức khỏe, tinh thần của Nhân dân. Quan tâm đầu tư phát triển các môn thể thao thể mạnh của tỉnh. Từng bước phát triển ngành công nghiệp văn hóa phù hợp với tiềm năng, lợi thế của tỉnh.

- Chủ động thực hiện hiệu quả công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế, đảm bảo an ninh, trật tự an toàn xã hội, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội. Đảm bảo công tác quốc phòng, dự bị động viên, xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc, giữ vững chủ quyền biên giới quốc gia, xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển.

b) Các đột phá phát triển

- Phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, trọng tâm là hạ tầng giao thông, hạ tầng đô thị, hạ tầng khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, hạ tầng thương mại cửa khẩu, hạ tầng số và thông tin truyền thông, hạ tầng du lịch; đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa của tỉnh.

- Thực hiện chuyển đổi số, cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, sản xuất kinh doanh. Đẩy mạnh phát triển kinh tế tư nhân và các thành phần kinh tế, chú trọng công tác xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại tạo đột phá về kinh tế.

- Phát triển kinh tế cửa khẩu, thương mại, dịch vụ và du lịch là lĩnh vực kinh tế mũi nhọn để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

- Phát triển công nghiệp theo hướng nâng cao chất lượng, sức cạnh tranh, xanh, an toàn và hiện đại, trở thành động lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế của tỉnh.

- Phát triển văn hóa, nguồn lực con người thực sự trở thành nền tảng, sức mạnh nội sinh, động lực phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; tăng cường đào tạo nghề cho người lao động phục vụ nhu cầu phát triển các ngành, lĩnh vực chủ lực của Tỉnh; thu hút và đào tạo có trọng tâm, trọng điểm nhân lực chất lượng cao. Từng bước đưa công nghiệp văn hóa, dịch vụ văn hóa trở thành ngành kinh tế có thế mạnh của tỉnh.

- Quản lý, khai thác, sử dụng hợp lý và hiệu quả nguồn lực đất đai và tài nguyên thiên nhiên; bảo vệ môi trường; thực hiện tăng trưởng xanh; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng tránh, giảm nhẹ thiên tai.

III. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN NGÀNH, LĨNH VỰC; PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Phương hướng phát triển các ngành quan trọng

a) Công nghiệp

Tập trung phát triển, mở rộng chuỗi giá trị, hình thành các cụm liên kết về sản xuất, đa dạng hóa sản phẩm các ngành công nghiệp có thế mạnh: Chế biến gỗ, giấy, lâm sản, nông sản, thực phẩm, dược liệu, sản xuất vật liệu xây dựng, luyện kim và cơ khí chế tạo, khai thác mỏ và chế biến khoáng sản, năng lượng, hóa chất, công nghiệp nhẹ. Xây dựng Tuyên Quang trở thành trung tâm của vùng về công nghiệp chế biến nông, lâm sản. Tận dụng xu hướng chuyển dịch công nghiệp, mở rộng liên kết, thu hút đầu tư phát triển các ngành công nghiệp chế biến chế tạo, công nghiệp hỗ trợ với các tỉnh lân cận; tiếp tục thu hút đầu tư phát triển các ngành công nghiệp nhẹ. Thu hút đầu tư, phát triển một số ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ sản xuất sản phẩm tiên tiến và các ngành công nghiệp khác. Chuyển dịch mạnh mẽ công nghiệp sang mô hình khu công nghiệp, cụm công nghiệp tập trung quy mô lớn, chuyên môn hóa theo chuỗi giá trị. Phát triển công nghiệp năng lượng, thu hút đầu tư xây dựng các thủy điện, nguồn điện năng lượng mặt trời, điện sinh khối, điện gió và các nguồn điện khác. Phát triển các ngành công nghiệp có tiềm năng khác. Quản lý sản xuất công nghiệp đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

b) Du lịch

- Phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh, là khâu đột phá để chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Du lịch phát triển theo hướng chuyên nghiệp, chất lượng, hấp dẫn, hiệu quả, xanh và bền vững. Chuyển đổi tư duy từ tăng trưởng số lượng sang chú trọng chất lượng và hiệu quả kinh tế; tập trung thu hút phân khúc khách du lịch cao cấp. Đẩy mạnh xã hội hóa nguồn lực đầu tư hệ thống cơ sở lưu trú (khách sạn 5 sao, khu nghỉ dưỡng), dịch vụ vui chơi giải trí. Phấn đấu xây dựng Tuyên Quang trở thành trung tâm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, trải nghiệm và văn hóa lịch sử hàng đầu của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ. Hình thành các khu, điểm du lịch trọng điểm, các tổ hợp du lịch có hạ tầng lưu trú, dịch vụ hiện đại, nâng cao quy mô (sức chứa) du lịch. Xây dựng Khu di tích quốc gia đặc biệt Tân Trào trở thành điểm đến du lịch về nguồn hàng đầu cả nước; xây dựng Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Cao nguyên đá Đồng Văn, Khu bảo tồn thiên nhiên Na Hang - Lâm Bình trở thành khu du lịch quốc gia; Khu du lịch Suối khoáng Mỹ Lâm trở thành Khu du lịch nghỉ dưỡng cao cấp; phát huy giá trị điểm đến Cột cờ Lũng Cú là điểm đến du lịch đặc thù; định hướng Mã Pì Lèng, sông Nho Quế, danh thắng quốc gia ruộng bậc thang Hoàng Su Phì trở thành trung tâm du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, du lịch khám phá, trải nghiệm có thương hiệu và sức cạnh tranh cao. Phát triển các sản phẩm du lịch đa dạng, gắn với các lợi thế của địa phương, như: Du lịch cộng đồng; du lịch văn hóa, lịch sử; du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng; du lịch mạo hiểm; du lịch thương mại, biên giới. Phát triển, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, chất lượng dịch vụ, tăng cường hợp tác, liên kết, quảng bá, ứng dụng công nghệ, nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành du lịch Tuyên Quang.

- Phát triển các tuyến phố du lịch, phố đi bộ, kinh tế đêm tại địa điểm phù hợp của các đô thị, khu, điểm du lịch. Phát triển, nâng cao chất lượng dịch vụ và năng lực cạnh tranh của ngành du lịch Tuyên Quang gắn với xây dựng văn hóa kinh doanh du lịch, phát huy bản sắc văn hóa cộng đồng các dân tộc, giá trị các cảnh quan đặc sắc và bảo vệ môi trường. Tăng cường hợp tác, liên kết, quảng bá, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực để phát triển du lịch.

c) Thương mại, dịch vụ, kinh tế cửa khẩu

- Phát triển ngành thương mại, dịch vụ của tỉnh Tuyên Quang theo hướng hiện đại, văn minh, hiệu quả, nhanh và bền vững, trở thành một động lực kinh tế. Phát triển nguồn hàng, đa dạng hóa, nâng cao chất lượng sản phẩm thương mại, xây dựng thương hiệu; chú trọng hỗ trợ đăng ký thương hiệu, quảng bá, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm của tỉnh, thực hiện tốt công tác quản lý thị trường, ổn định giá cả; phòng chống hàng giả, hàng nhái, bảo vệ lợi ích của người tiêu

dùng, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh. Chủ động và tích cực tham gia hội nhập sâu hơn vào thương mại khu vực và quốc tế.

- Phát triển kinh tế cửa khẩu, kinh tế biên mậu, tăng cường thương mại qua biên giới. Xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy là khu kinh tế tổng hợp, đa ngành, đa lĩnh vực, thông minh, có chức năng logistics, thương mại, dịch vụ, du lịch, công nghiệp, nông lâm nghiệp; là cửa ngõ giao thương quốc tế, trung tâm kinh tế quan trọng trên trục liên kết Quốc lộ 2, có chức năng kết nối giao thương giữa các tỉnh Tây Nam của Trung Quốc với các tỉnh thuộc vùng Trung du miền núi phía Bắc và vùng đồng bằng sông Hồng. Định hướng xây dựng và phát triển khu thương mại tự do tại khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy; nâng cấp cửa khẩu Xín Mần - Đô Long từ cửa khẩu quốc gia lên cửa khẩu quốc tế, nâng cấp các cửa khẩu Lũng Làn - Lộng Bình, Phố Bàng - Đồng Cán lên cửa khẩu song phương. Xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng thương mại, dịch vụ tại các cửa khẩu, lối mở: cửa khẩu Săm Pun - Điện Bồng, cửa khẩu Xín Mần - Đô Long, lối mở Lũng Làn - Lộng Bình. Xây dựng cửa khẩu thông minh, tạo thuận lợi trong hoạt động thông quan hàng hóa, thúc đẩy hoạt động xuất nhập khẩu qua các cửa khẩu trên địa bàn tỉnh; thu hút doanh nghiệp đầu tư kinh doanh tại khu kinh tế.

- Tăng cường hợp tác xây dựng, thực hiện các chương trình xúc tiến thương mại qua biên giới, tập trung hỗ trợ thương nhân, hỗ trợ các phương thức kinh doanh, vận tải, thanh toán xuyên biên giới phù hợp với quy định pháp luật. Thu hút doanh nghiệp đầu tư kinh doanh tại khu kinh tế.

- Tạo điều kiện thuận lợi về mặt bằng, đất đai thu hút đầu tư các mô hình thương mại hiện đại như siêu thị, trung tâm thương mại, chuỗi cửa hàng chuyên doanh, kho, tổng kho. Thúc đẩy mạnh mẽ các kênh thương mại điện tử, tổ chức kết nối, quảng bá nguồn hàng trong tỉnh với thị trường trong nước và quốc tế. Xây dựng, cải tạo, mở rộng, nâng cấp chức năng hệ thống chợ trên địa bàn tỉnh. Hình thành một số chợ đầu mối lớn phù hợp với nhu cầu phát triển. Thu hút đầu tư xây dựng các khu logistics gắn với khu công nghiệp, cụm công nghiệp, đô thị và khu vực có lưu lượng hàng hóa tập trung.

- Xây dựng cơ chế chính sách thu hút đầu tư xây dựng một số mô hình phát triển kinh tế dựa trên trí tuệ nhân tạo, Internet vạn vật (IoT), dữ liệu lớn, điện toán đám mây, kinh tế tri thức, kinh tế tầm thấp như sử dụng thiết bị bay không người lái, UAV phục vụ trong nông lâm nghiệp, du lịch, quản lý đất đai, taxi bay trong giao thông, thiết lập trợ lý ảo...

- Thu hút đầu tư xây dựng kho xăng dầu, khí đốt tại vị trí phù hợp đáp ứng nhu cầu thị trường. Phát triển mạng lưới cửa hàng xăng dầu, trạm sạc đáp ứng nhu cầu thị trường.

d) Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản

- Khai thác tiềm năng, lợi thế để phát triển kinh tế nông nghiệp nhanh, hiệu quả, bền vững, toàn diện sản xuất nông, lâm nghiệp hàng hóa. Chuyển đổi tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp; chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng xanh, sinh thái, tuần hoàn, theo chuỗi giá trị. Đổi mới các hình thức tổ chức sản xuất, đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số trong nông nghiệp và áp dụng các tiêu chuẩn trong sản xuất, chế biến nông nghiệp mang lại giá trị gia tăng cao; khuyến khích doanh nghiệp và các thành phần kinh tế đầu tư vào nông nghiệp gắn với các chuỗi liên kết tiêu thụ sản phẩm.

- Tập trung xây dựng đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng nông nghiệp. Hình thành một số vùng trồng trọt, chăn nuôi tập trung có năng suất, chất lượng cao, gắn với chế biến và chuỗi giá trị nông sản. Phát triển chăn nuôi theo hướng an toàn dịch bệnh, an toàn sinh học. Khai thác và nuôi trồng thủy sản bền vững, hình thành một số vùng nuôi thủy sản tập trung, ổn định trên các sông, hồ, lòng hồ thủy điện; nâng cao năng lực sản xuất giống và dịch vụ thủy sản; tập trung ứng dụng sinh sản nhân tạo một số loài cá đặc sản, có giá trị kinh tế cao. Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Duy trì phát triển Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm” đi vào chiều sâu, nâng cao chất lượng sản phẩm và phát triển thương hiệu sản phẩm OCOP vươn xa hơn đến thị trường quốc tế. Hoàn thiện kết cấu hạ tầng thủy lợi; đầu tư, cải tạo, sửa chữa, nâng cấp các công trình nước sạch nông thôn.

- Đẩy mạnh phát triển kinh tế lâm nghiệp theo hướng quản lý rừng bền vững; tập trung phục hồi và trồng mới rừng, đặc biệt là tại các xã vùng cao biên giới; ưu tiên phát triển cây gỗ lớn, cây bản địa, cây đa mục đích có chu kỳ dài. Gắn công tác bảo vệ, phát triển rừng với phát triển du lịch sinh thái; quy hoạch các vùng nguyên liệu tập trung quy mô lớn; phát triển kinh tế dưới tán rừng, giải quyết sinh kế bền vững cho người dân. Nâng cao hiệu quả ngành lâm nghiệp, chế biến gỗ xuất khẩu gắn với phát triển vùng nguyên liệu bền vững; thương mại hóa tiến tới tiếp cận thị trường tín chỉ các-bon. Triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án “Xây dựng Tuyên Quang trở thành Khu lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao và Trung tâm sản xuất và chế biến gỗ”.

- Huy động, đa dạng hóa các nguồn vốn để đầu tư cho nông nghiệp gắn với phát triển nông thôn và xây dựng nông thôn mới.

2. Phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực khác

a) Y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân

- Nâng cao sức khỏe nhân dân về thể chất và tinh thần, tâm vóc, tuổi thọ, chất lượng sống. Xây dựng, phát triển mạng lưới cơ sở y tế hiện đại, đồng bộ; xây dựng bệnh viện đa khoa cấp chuyên sâu; đảm bảo cung ứng thuốc, vật tư, thiết bị y tế có chất lượng, đầy đủ, kịp thời, hiệu quả; nâng cao y đức và trình độ chuyên môn nghiệp vụ đội ngũ cán bộ y tế.

- Kiện toàn, nâng cao năng lực hệ thống y tế dự phòng theo hướng hiện đại, đủ năng lực giám sát, cảnh báo sớm, khống chế kịp thời dịch bệnh và thực hiện tốt nhiệm vụ y tế dự phòng khác. Tổ chức thực hiện có hiệu quả Chương trình Y tế - Dân số, duy trì mức sinh thay thế bền vững, tăng cường chăm sóc sức khỏe người dân để nâng cao chất lượng dân số, tận dụng cơ hội “dân số vàng” để tăng tốc phát triển kinh tế - xã hội. Tập trung triển khai các chương trình dinh dưỡng, tiêm chủng mở rộng, vệ sinh an toàn thực phẩm, xử lý rác thải, vệ sinh môi trường.

- Tiếp tục củng cố, hoàn thiện, nâng cao chất lượng hoạt động của y tế cơ sở, tạo điều kiện cho mọi người dân được chăm sóc sức khỏe thường xuyên ngay tại cộng đồng với chất lượng ngày càng cao, hướng tới bao phủ chăm sóc sức khỏe toàn dân. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong công tác y tế, thực hiện quản lý y tế, quản lý bệnh nhân, theo dõi sức khỏe bằng hồ sơ điện tử, đơn thuốc điện tử; thanh toán viện phí không dùng tiền mặt. Triển khai tư vấn khám, chữa bệnh từ xa dựa trên nhu cầu thực tế. Xây dựng, đưa vào sử dụng Bệnh viện Đa khoa tỉnh. Đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp hệ thống cơ sở y tế tại địa phương. Đầu tư xây dựng Trung tâm kiểm nghiệm y tế, Trung tâm cấp cứu ngoại viện.

- Thực hiện tốt chính sách bảo hiểm y tế, bảo đảm quyền lợi hợp pháp của người tham gia bảo hiểm y tế. Khuyến khích phát triển y tế ngoài công lập; thu hút đầu tư, hỗ trợ cơ sở y tế tư nhân phát triển, mở rộng; phát triển hệ thống y tế ngoài công lập theo hướng bổ sung cho hệ thống y tế công lập, mở rộng sự lựa chọn khám chữa bệnh cho người dân. Thu hút đầu tư các bệnh viện, viện dưỡng lão, cơ sở dưỡng lão, cơ sở dịch vụ chăm sóc sức khỏe, nghỉ dưỡng cho người dân.

b) Giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực

- Phát triển toàn diện giáo dục và đào tạo; mở rộng tiếp cận công bằng, nâng cao chất lượng giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục nghề nghiệp, nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu Nghị quyết 71-NQ/TW về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo gắn với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội vùng núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và biên giới. Triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026-2035; đẩy mạnh đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục theo hướng hiện đại, thực chất.

- Sắp xếp mạng lưới trường, điểm trường đảm bảo tinh gọn, đủ điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị dạy học và nguồn lực tài chính cho giáo dục và đào tạo theo quy định; phấn đấu đến năm 2030, tỷ lệ phòng học được kiên cố đạt 100%; phát triển và nâng cao chất lượng hệ thống trường theo hướng đạt chuẩn quốc gia; hoàn thành xây dựng trường nội trú các xã biên giới. Xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đủ về số lượng, cơ cấu bộ môn; phấn đấu đến năm

2030, 100% giáo viên mầm non và phổ thông đạt chuẩn và trên chuẩn trình độ đào tạo, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đào tạo. Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục; có cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển giáo dục phổ thông ngoài công lập.

- Nâng cao chất lượng giáo dục mầm non và phổ thông đạt trình độ tiên tiến. Mở rộng và phân bố hợp lý mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông, đáp ứng nhu cầu xã hội về tiếp cận dịch vụ giáo dục. Đầu tư xây dựng kiên cố hóa, hiện đại hóa trường, lớp học; bảo đảm đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị đạt chuẩn, đặc biệt chú trọng đầu tư các phòng học thực hành, trải nghiệm tích hợp khoa học - công nghệ - kỹ thuật - nghệ thuật - toán học (STEM/STEAM), không gian vui chơi, môi trường rèn luyện thể chất. Phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, cơ sở giáo dục thường xuyên, trung tâm học tập cộng đồng. Hoàn thành xây dựng mạng lưới trường phổ thông nội trú tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng khó khăn và biên giới trước năm 2030.

- Giáo dục mầm non: Tiếp tục củng cố, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non; đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, tăng tỷ lệ trường mầm non đạt chuẩn quốc gia. Hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi. Nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục mầm non. Chuẩn hóa giáo viên mầm non đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định.

- Giáo dục phổ thông: Phần đầu đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3; phổ cập giáo dục trung học cơ sở từ mức độ 2 trở lên; hoàn thành giáo dục bắt buộc hết trung học cơ sở. Phần đầu tỷ lệ trường phổ thông đạt chuẩn quốc gia đạt 80%; tỷ lệ phòng học kiên cố cấp tiểu học, cấp trung học cơ sở, cấp trung học phổ thông đạt 100%. 100% giáo viên phổ thông đạt chuẩn trình độ chuẩn được đào tạo theo quy định.

- Giáo dục chuyên biệt: Xây dựng mạng lưới các cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập, đáp ứng nhu cầu được tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ giáo dục có chất lượng cho người khuyết tật. Bảo đảm có ít nhất một cơ sở giáo dục chuyên biệt tới cấp trung học phổ thông.

- Giáo dục nghề nghiệp: Tập trung sắp xếp, tổ chức lại hệ thống các cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo hướng tinh gọn, hiệu quả, gắn với nhu cầu nhân lực của thị trường lao động; xây dựng Trường Cao đẳng Tuyên Quang thành trường chất lượng cao và có một số nghề trọng điểm đạt trình độ ngang tầm các nước phát triển trong khu vực. Phần đầu đến năm 2030, cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn đạt chuẩn về cơ sở vật chất, đội ngũ và chương trình đào tạo, thực hiện chức năng đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao của tỉnh, đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực kỹ thuật trong giai đoạn mới.

- Giáo dục thường xuyên: Triển khai, thực hiện hiệu quả và đạt mục tiêu xây dựng xã hội học tập và các mô hình học tập suốt đời. Phấn đấu có các đơn vị hành chính tham gia vào Mạng lưới thành phố học tập toàn cầu của UNESCO.

- Giáo dục đại học: Xây dựng các cơ sở giáo dục đại học tại tỉnh đạt chuẩn cơ sở giáo dục đại học; trở thành trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao và nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp của tỉnh và khu vực. Nâng cao trình độ đội ngũ giảng viên đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo.

- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong giáo dục và đào tạo.

- Phát triển hệ thống trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh có quy mô phù hợp với nhiệm vụ đào tạo theo từng địa bàn nhằm củng cố, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân.

c) Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, bưu chính, viễn thông

- Tăng cường nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ gắn với yêu cầu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ vào sản xuất và đời sống, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, thúc đẩy hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, truy xuất nguồn gốc; hỗ trợ đăng ký, xác lập và khai thác quyền sở hữu trí tuệ, sáng chế, giải pháp hữu ích; hình thành và phát triển các tổ chức, doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

- Phát triển mạnh mẽ hoạt động đổi mới sáng tạo, lấy doanh nghiệp và thị trường làm trung tâm; thúc đẩy liên kết giữa nhà nước, cơ sở nghiên cứu, cơ sở đào tạo và doanh nghiệp trong nghiên cứu, ứng dụng và thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học. Đẩy mạnh hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng, đổi mới công nghệ, mô hình sản xuất, kinh doanh mới nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của nền kinh tế; từng bước hình thành hệ sinh thái đổi mới sáng tạo của tỉnh; phấn đấu xếp hạng chỉ số đổi mới sáng tạo cấp tỉnh (PII) đứng thứ 20/34 tỉnh, thành phố.

- Thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện, đồng bộ và lấy dữ liệu làm nền tảng trên ba trụ cột chính quyền số, kinh tế số, xã hội số. Tập trung đầu tư, nâng cấp hạ tầng thông tin, viễn thông thế hệ mới; phát triển hạ tầng số đồng bộ, cơ sở dữ liệu dùng chung toàn tỉnh; vận hành hiệu quả nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP); xây dựng và vận hành Trung tâm Điều hành thông minh (IOC) cấp tỉnh, từng bước triển khai các phân hệ điều hành thông minh. Phát triển đô thị thông minh phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh; thúc đẩy kinh tế số, nông nghiệp thông minh, du lịch thông minh; chủ động rà soát, xây dựng hạ tầng đảm bảo điều

kiện triển khai, phát triển kinh tế tầm thấp ứng dụng đa mục đích. Chuyển dịch mạnh mẽ bưu chính truyền thống sang bưu chính số, tăng cường các dịch vụ hỗ trợ chính quyền số và logistics cho thương mại điện tử.

d) Văn hóa, thể dục, thể thao, báo chí, phát thanh truyền hình

- Phát triển văn hóa, thể thao phù hợp với các chiến lược, quy hoạch về các lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể thao và du lịch của vùng Trung du và miền núi phía Bắc và của cả nước. Khai thác và phát huy tối đa các thiết chế văn hóa, thể thao hiện có; thực hiện việc nâng cấp, xây dựng mới các thiết chế phù hợp với quỹ đất, khả năng, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội và nhu cầu hoạt động văn hóa của từng khu vực trong tỉnh.

- Phát triển văn hóa Tuyên Quang theo hướng toàn diện, tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, phát huy giá trị văn hóa truyền thống, bảo tồn các giá trị văn hóa, xây dựng nếp sống văn minh. Tạo mọi điều kiện nâng cao mức hưởng thụ và tham gia hoạt động, sáng tạo văn hóa của nhân dân. Bảo tồn phát huy giá trị các loại hình nghệ thuật truyền thống tiêu biểu của các dân tộc tỉnh.

- Đẩy mạnh việc thực hiện phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa, xây dựng gia đình, khu dân cư văn hóa, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa. Xây dựng gia đình no ấm, văn minh, tiến bộ, hạnh phúc; phòng chống bạo lực gia đình và sự xâm nhập tệ nạn xã hội vào gia đình.

- Phát triển thể dục thể thao theo hướng toàn diện, đổi mới góp phần nâng cao sức khỏe, tầm vóc, tuổi thọ và tinh thần cho Nhân dân. Hoàn thiện hệ thống tuyển chọn, đào tạo tài năng thể thao; phát triển thể thao thành tích cao, thể thao chuyên nghiệp phù hợp với đặc điểm thể chất và trình độ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Đầu tư phát triển văn hóa, thể thao có trọng tâm, trọng điểm; lồng ghép, phát huy giá trị văn hóa, thể dục thể thao với phát triển du lịch, công nghiệp văn hóa, kinh tế thể thao. Khuyến khích phát triển các hoạt động nghệ thuật biểu diễn; khuyến khích, thu hút hoạt động điện ảnh thực hiện trên địa bàn tỉnh; khơi dậy tiềm năng, thể mạnh, tính sáng tạo của cộng đồng nghệ sỹ và nhân dân trong phát triển văn hóa. Khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư xây dựng và khai thác, phát huy các thiết chế văn hóa, thể thao để phục vụ nhân dân.

đ) An sinh xã hội

- Phát triển hệ thống an sinh xã hội, trợ giúp xã hội theo hướng đảm bảo diện bao phủ, nâng cao phúc lợi cho đối tượng được hưởng chính sách xã hội. Phát triển và hoàn thiện hệ thống an sinh xã hội, trợ giúp xã hội đa tầng, linh hoạt, gắn kết chặt chẽ, có khả năng hỗ trợ, chia sẻ lẫn nhau. Mở rộng quy mô, năng lực

tiếp nhận, nâng cao chất lượng hệ thống bảo trợ, chăm sóc xã hội đủ năng lực đáp ứng yêu cầu bảo trợ, chăm sóc các đối tượng yếu thế trên địa bàn tỉnh.

- Khuyến khích phát triển các loại hình dịch vụ bảo hiểm, trợ giúp xã hội ngoài công lập, cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập đáp ứng nhu cầu cung cấp dịch vụ ngày càng tăng của người dân. Thúc đẩy thị trường lao động trên địa bàn tỉnh phát triển lành mạnh; quản lý tốt hoạt động tuyển dụng, sử dụng lao động trên địa bàn tỉnh. Thực hiện tổng thể các giải pháp để tạo việc làm, nâng cao thu nhập và phúc lợi cho người lao động. Thực hiện tốt hệ thống chính sách hỗ trợ bên sử dụng lao động và người lao động.

e) Quốc phòng - an ninh và đối ngoại

- Xây dựng lực lượng vũ trang tỉnh vững mạnh, có khả năng sẵn sàng chiến đấu cao, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong mọi tình huống; xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh, xã, phường vững chắc. Ưu tiên đầu tư xây dựng, hoàn chỉnh các công trình phục vụ hoạt động quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia. Tăng cường đối ngoại, hợp tác biên giới kết hợp chặt chẽ giữa đối ngoại của Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại Nhân dân với đối ngoại quốc phòng, biên phòng ở khu vực biên giới; duy trì các mô hình hợp tác giữa chính quyền địa phương và lực lượng quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia của Việt Nam với chính quyền, lực lượng hữu quan của nước láng giềng nhằm bảo đảm sự bất khả xâm phạm biên giới quốc gia, giữ vững chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội khu vực biên giới; xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, ổn định và phát triển.

- Xây dựng lực lượng an ninh vững mạnh, bản lĩnh chính trị vững vàng, tinh thông về nghiệp vụ, từng bước trang bị hiện đại. Tích cực, chủ động nắm chắc địa bàn, kịp thời phát hiện, ngăn ngừa, trấn áp tội phạm; từng bước kéo giảm tỷ lệ tội phạm, tai nạn giao thông. Xây dựng thế trận an ninh nhân dân kết hợp chặt chẽ với thế trận quốc phòng toàn dân, quản lý tốt biên giới, phòng chống buôn lậu, buôn bán người; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

3. Phương hướng tổ chức các hoạt động kinh tế - xã hội

Tổ chức các hoạt động kinh tế - xã hội theo: 01 trục động lực, 02 cực tăng trưởng, 03 vùng kinh tế, 04 hành lang phát triển, 05 trụ cột phát triển.

a) Trục động lực phát triển: Từ Khu kinh tế Cửa khẩu Thanh Thủy - Đô thị Hà Giang đến cao tốc Nội Bài - Lào Cai. Chức năng: Phát triển đô thị, kinh tế công nghiệp, kinh tế cửa khẩu, dịch vụ, logistics, du lịch gắn với chuỗi công nghiệp chế biến và hình thành các cụm liên kết công - nông nghiệp dọc theo không gian trục động lực phát triển.

b) Hai cực phát triển

- Cực phát triển phía Bắc: Là khu vực Khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy - đô thị Hà Giang. Chức năng: Là trung tâm kinh tế cửa khẩu, đô thị, thương mại, du lịch, dịch vụ của tỉnh và của vùng Trung du và miền núi phía Bắc.

- Cực phát triển phía Nam: Là đô thị Tuyên Quang và phụ cận. Chức năng: Là trung tâm phát triển kinh tế đô thị, sản xuất công nghiệp, thương mại, dịch vụ lớn của vùng tỉnh và vùng Trung du và miền núi phía Bắc; là trung tâm giao thương của tỉnh với các tỉnh trong vùng, cả nước và quốc tế.

c) Ba vùng kinh tế: (i) Vùng Tây Bắc là không gian phát triển các xã vùng cao phía Tây Bắc của tỉnh, được xác định phía Tây đường tỉnh 183; phía Tây sông Lô và sông Miện, diện tích khoảng 3.842 km², có chức năng phát triển kinh tế cửa khẩu, thương mại biên mậu và logistics biên giới, đối ngoại; phát triển du lịch sinh thái, du lịch văn hóa vùng cao; phát triển nông, lâm nghiệp sinh thái, sản xuất dược liệu và các sản phẩm đặc thù, gắn với bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học và bảo đảm quốc phòng, an ninh; (ii) Vùng Đông Bắc là không gian phát triển các xã vùng cao phía Đông Bắc của tỉnh, được xác định phía Bắc Quốc lộ 279, phía Đông sông Lô và sông Miện, diện tích khoảng 5.750,6 km², có chức năng phát triển kinh tế du lịch bản sắc với đa dạng các loại hình dịch vụ chất lượng cao, bền vững, phát triển chuỗi nông - công nghiệp chế biến sản phẩm đặc sản có thương hiệu; (iii) Vùng phía Nam, là không gian phát triển các xã vùng trung du phía Nam của tỉnh, được xác định phía Nam Quốc lộ 279 và phía Đông Tỉnh lộ 183, diện tích khoảng 4.203 km², có chức năng phát triển đô thị, kinh tế đô thị, công nghiệp, dịch vụ, thương mại, logistics, nông lâm nghiệp gắn với chuỗi công nghiệp chế biến và hình thành các công - nông, lâm nghiệp, đóng vai trò là vùng động lực tăng trưởng của tỉnh.

d) Bốn hành lang kinh tế: (i) Hành lang kinh tế kết nối ngang phía Bắc phát triển dọc trục Quốc lộ 4 - Quốc lộ 4C, kết nối các tỉnh Lào Cai - Tuyên Quang - Cao Bằng; (ii) Hành lang kinh tế kết nối ngang Đông - Tây theo Quốc lộ 279, kết nối các tỉnh Thái Nguyên - Tuyên Quang - Lào Cai; (iii) Hành lang kinh tế kết nối ngang theo Quốc lộ 37 kết nối các tỉnh Thái Nguyên - Tuyên Quang - Lào Cai; (iv) Hành lang kinh tế kết nối dọc của tỉnh - hành lang xanh, phát triển theo trục dọc từ Khu du lịch Tân Trào, Khu du lịch Na Hang - Lâm Bình, Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Cao nguyên đá Đồng Văn.

đ) Năm trụ cột phát triển: (i) Hạ tầng giao thông, phát triển đô thị, kinh tế đô thị; (ii) Du lịch bản sắc với đa dạng các loại hình dịch vụ chất lượng cao, bền vững; (iii) Chuỗi nông - công nghiệp chế biến sản phẩm đặc sản có thương hiệu; (iv) Kinh tế cửa khẩu, thương mại biên giới, logistics; (v) Kinh tế đổi mới: Phát triển nền kinh tế số, thông minh, đào tạo nguồn nhân lực tại chỗ.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG QUY HOẠCH HỆ THỐNG ĐÔ THỊ, NÔNG THÔN VÀ CÁC KHU CHỨC NĂNG

1. Phương hướng quy hoạch hệ thống đô thị

a) Phát triển hệ thống đô thị theo hướng xanh, thông minh có hạ tầng hiện đại. Hệ thống đô thị trên địa bàn tỉnh đặt trong tổng thể phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2030, góp phần quan trọng phục vụ mục tiêu xây dựng thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa tỉnh Tuyên Quang. Việc hình thành và phát triển hệ thống đô thị thời kỳ 2021 - 2030 bảo đảm:

- Phát triển bền vững, lấy con người làm trung tâm; phù hợp với trình độ phát triển, yêu cầu công nghiệp hóa - hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của tỉnh.

- Phát triển và phân bố hợp lý hệ thống đô thị trên địa bàn tỉnh, tạo ra sự phát triển cân đối, hài hòa giữa các vùng. Tập trung nâng cao chất lượng các đô thị hiện có để từng bước nâng loại đô thị; đầu tư đảm bảo tiêu chuẩn để công nhận mới cho các đô thị vệ tinh, bảo đảm tính liên kết tổng thể trên phạm vi tỉnh, phường, xã, đô thị và nông thôn.

- Phát triển đô thị phải phù hợp với Chương trình phát triển đô thị và phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030; có tầm nhìn dài hạn, phù hợp với quy luật phát triển đô thị và thực tiễn của tỉnh; sử dụng hợp lý tài nguyên, bảo vệ môi trường sinh thái; phát triển đô thị nén, tiết kiệm và nâng cao hiệu quả sử dụng đất, đô thị phát triển theo hướng tăng trưởng xanh, thông minh, bảo đảm phát triển bền vững; thích ứng với biến đổi khí hậu; kết hợp chặt chẽ với việc bảo đảm an ninh, quốc phòng và an toàn xã hội.

- Chú trọng và từng bước nâng cao chất lượng phát triển đô thị cả về kinh tế, xã hội, cơ sở hạ tầng, nhà ở, chất lượng sống của người dân. Xây dựng từng đô thị trở thành trung tâm, đầu tàu phát triển kinh tế, xã hội, khoa học công nghệ, giáo dục đào tạo, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp của từng địa phương và cả tỉnh.

b) Đến năm 2030, định hướng toàn tỉnh có 32 đô thị, gồm: 02 đô thị loại II, 30 đô thị loại III trên cơ sở các phường hiện hữu và các xã có yếu tố đô thị. Định hướng từng bước đầu tư xây dựng các xã Bình Ca, Thái Hòa, Xuân Vân, Tân Thanh, Phú Lương, Trường Sinh, Đông Thọ, Minh Quang và một số xã có tiềm năng khác theo hướng đô thị loại III để hình thành đô thị loại III sau năm 2030.

Trong đó, Đô thị Tuyên Quang là trung tâm hành chính tỉnh về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh Tuyên Quang; trung tâm kinh tế, văn hóa - xã hội của vùng trung du và miền núi phía Bắc; là đô thị động lực phát triển kinh tế, trung tâm thương mại, dịch vụ của vùng tỉnh; vùng sản xuất công nghiệp xanh, sạch; Đô thị Hà Giang là đô thị dịch vụ, thương mại, du lịch, đầu mối kinh tế khu vực phía Bắc của tỉnh và các tỉnh vùng trung du và miền núi phía Bắc; là đầu mối

liên kết, thúc đẩy Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy, Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Cao nguyên đá Đồng Văn và các khu vực khác gắn với đảm bảo an ninh quốc phòng; là đô thị xanh với các giá trị sinh thái, kiến trúc, văn hóa được bảo tồn và phát huy bền vững.

(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)

c) Huy động, sử dụng tối ưu nguồn lực tài chính từ quá trình chuyển đổi đất đai, nguồn nhân lực, nguồn vốn cho phát triển đô thị; sử dụng tiết kiệm, hợp lý tài nguyên thiên nhiên, năng lượng. Phát triển đô thị hiện đại đi đôi với bảo tồn di sản kiến trúc, cảnh quan đô thị, bản sắc văn hóa. Phát triển đô thị hài hòa đáp ứng đồng thời các yêu cầu phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, đảm bảo yêu cầu bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu. Kết hợp chức năng đô thị với chức năng bảo đảm quốc phòng, an ninh.

d) Nghiên cứu quy hoạch, xây dựng Trung tâm hành chính - chính trị mới của tỉnh hợp lý, phù hợp với xu thế phát triển chung của địa phương và tạo ra không gian phát triển mới.

2. Phương hướng quy hoạch khu vực nông thôn

- Tổ chức quy hoạch, xây dựng hệ thống các điểm dân cư nông thôn có quy mô phù hợp với điều kiện của từng địa bàn theo tinh thần Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Xây dựng nông thôn mới kết hợp giữa duy trì, bảo tồn cảnh quan thiên nhiên, cảnh quan nông nghiệp, nét đẹp kiến trúc và phong tục truyền thống với ứng dụng công nghệ hiện đại, hiện đại hóa vùng nông thôn. Đầu tư xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng kỹ thuật (cấp điện, thông tin, cấp nước, thoát nước, vệ sinh môi trường, xử lý chất thải), hạ tầng xã hội (y tế, giáo dục, văn hóa, thể thao); từng bước thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các địa bàn thuận lợi và địa bàn khó khăn, giữa đô thị với nông thôn. Hiện đại hóa, từng bước áp dụng nông nghiệp thông minh, nâng cao năng suất, chất lượng nông sản và thu nhập cho người dân nông thôn.

- Đối với khu vực dân cư nông thôn hiện hữu: Giữ gìn không gian cảnh quan nông thôn đặc trưng địa phương, tôn trọng kiến trúc công trình đối với các làng, bản truyền thống. Bảo tồn không gian truyền thống mang nét đặc trưng văn hóa của các dân tộc ở địa phương. Bảo tồn, tôn tạo theo hướng giữ kiến trúc cổ đối với các công trình đền, đình, chùa, công trình văn hóa truyền thống và các công trình nhà ở nông thôn/miền núi cổ.

- Đối với các khu dân cư nông thôn có mật độ dân số cao, các xã giáp ranh với đô thị, các xã được quy hoạch để hình thành đô thị: Lập quy hoạch khu dân

cư tập trung, cho phép tăng mật độ xây dựng phù hợp với quy hoạch đô thị.

- Đối với khu vực dân cư nông thôn phát triển mới: Lựa chọn khu vực phát triển mới có tính toán đến cự ly đi lại đến các khu vực sản xuất của dân cư. Tổ chức cụm dân cư theo mô hình khối, quy mô cụm dân cư phù hợp với địa hình và điều kiện từng khu vực. Hình thành cụm/điểm dân cư đồng bộ với hệ thống hạ tầng.

3. Phương hướng quy hoạch các khu chức năng

a) Khu kinh tế cửa khẩu

- Phát triển Khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy theo hướng tổng hợp, đa ngành: thương mại, dịch vụ, du lịch, công nghiệp, logistics có chức năng đẩy mạnh giao thương quốc tế, gắn kết, thúc đẩy phát triển kinh tế các địa phương trên hành lang kinh tế Tuyên Quang - Phú Thọ - Hà Nội - Hưng Yên - Hải Phòng tạo thành tuyến thương mại - du lịch - dịch vụ quan trọng kết nối vùng Trung du và miền núi phía Bắc với Hà Nội và các tỉnh vùng Đồng bằng sông Hồng, trở thành một trung tâm kinh tế động lực của Tỉnh.

- Các khu chức năng trong Khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy xây dựng, phát triển theo quy hoạch chung và quy hoạch phân khu được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phù hợp với yêu cầu phát triển trong từng giai đoạn. Thành lập, đầu tư xây dựng khu thương mại tự do và xây dựng mô hình cửa khẩu thông minh trong Khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy.

b) Khu, cụm công nghiệp: Bổ sung mới, điều chỉnh diện tích các khu, cụm công nghiệp ở những nơi có điều kiện thuận lợi; đưa ra khỏi quy hoạch các cụm công nghiệp đến nay không còn phù hợp. Thu hút đầu tư hình thành các khu, cụm công nghiệp đảm bảo đủ điều kiện, đạt tiêu chuẩn theo quy định. Phấn đấu đến năm 2030, tỉnh Tuyên Quang có 12 khu công nghiệp, tổng diện tích dự kiến 3.096,2 ha; có 48 cụm công nghiệp, tổng diện tích dự kiến 2.450,1ha; thu hút đầu tư hình thành các khu, cụm công nghiệp khác phù hợp với yêu cầu phát triển của tỉnh trong từng giai đoạn.

(Chi tiết tại Phụ lục II, III kèm theo)

c) Khu du lịch: Hình thành các khu, điểm du lịch trọng điểm, các tổ hợp du lịch có hạ tầng lưu trú, dịch vụ hiện đại, nâng cao quy mô (sức chứa) du lịch. Xây dựng Khu di tích quốc gia đặc biệt Tân Trào trở thành điểm đến du lịch về nguồn hàng đầu cả nước; xây dựng Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Cao nguyên đá Đồng Văn, Khu bảo tồn thiên nhiên Na Hang - Lâm Bình trở thành khu du lịch quốc gia; Khu du lịch Suối khoáng Mỹ Lâm trở thành Khu du lịch nghỉ dưỡng cao cấp; phát huy giá trị điểm đến Cột cờ Lũng Cú là điểm đến du lịch đặc thù; định hướng Mã Pì Lèng, sông Nho Quế, danh thắng quốc gia ruộng bậc thang Hoàng Su Phì trở thành trung tâm du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, du lịch khám phá, trải

nghiệm, có thương hiệu và sức cạnh tranh cao. Quy hoạch, tổ chức không gian, kiến trúc, các khu chức năng của khu, điểm du lịch theo hướng bền vững, bảo tồn, phát huy giá trị đặc trưng, tạo sức hấp dẫn cho từng khu, điểm du lịch.

(Chi tiết tại Phụ lục IV kèm theo)

d) Vùng sản xuất nông - lâm nghiệp tập trung

- Tổ chức không gian phát triển sản xuất nông, lâm, thủy sản theo hướng tập trung, chuyên canh, hiện đại, gắn với chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông thôn và phát triển nông nghiệp sinh thái, tuần hoàn.

- Hình thành các vùng: (i) Vùng trồng cây dược liệu (sâm, sa nhân, thảo quả, cà gai leo, cây dược liệu khác) và cây đặc sản (lê, mận, đào, cây đặc sản khác); (ii) Vùng trồng cây ăn quả tập trung (cam, bưởi, nhãn, cây ăn quả khác); (iii) Vùng trồng rau màu, cây thực phẩm và hoa màu ngắn ngày tập trung tại các xã phường khu vực đồng bằng có đất thịt nhẹ, gần đô thị và khu công nghiệp, chủ đạo là chuyên canh rau màu chất lượng cao, sản xuất theo tiêu chuẩn thực hành tốt nông nghiệp và các tiêu chuẩn phù hợp với thị trường tiêu thụ; (iv) Vùng sản xuất lúa hàng hóa, lúa chất lượng cao; (v) Vùng cây công nghiệp (chè, mía, lạc, đậu tương, cây công nghiệp khác); (vi) Vùng chăn nuôi tập trung; (vii) Vùng sản xuất lâm nghiệp, rừng đặc dụng và rừng sinh thái.

đ) Khu quân sự, an ninh: Đảm bảo quỹ đất đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ quốc phòng - an ninh trên địa bàn phường, xã. Quản lý các khu vực ưu tiên cho nhiệm vụ quốc phòng - an ninh đảm bảo điều kiện cho lực lượng quốc phòng, an ninh hoạt động thuận lợi khi cần thiết. Bảo đảm an ninh chính trị, an ninh biên giới, bảo vệ tuyệt đối an toàn các mục tiêu, công trình trọng điểm, các sự kiện chính trị.

V. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG KỸ THUẬT

1. Phương hướng phát triển mạng lưới giao thông

Phát triển mạng lưới giao thông theo hướng tăng cường liên kết nội tỉnh, liên tỉnh, liên vùng; đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo các công trình giao thông đáp ứng nhu cầu giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh. Đa dạng hóa phương thức giao thông, thúc đẩy tổ chức giao thông vận tải đa phương thức bao gồm đường bộ, đường thủy, đường sắt (khi có điều kiện), đường hàng không, vận tải hàng không tầm thấp để nâng cao hiệu quả vận tải, tăng khả năng tiếp cận tới các khu vực trên địa bàn tỉnh.

- Đường bộ quốc gia: Thực hiện theo Quy hoạch mạng lưới đường bộ quốc gia được phê duyệt. Nghiên cứu đề xuất phương án xây dựng các tuyến đường bộ cao tốc, quốc lộ, đường liên tỉnh: đường bộ cao tốc nối 4 đô thị Lạng Sơn - Thái Nguyên - Tuyên Quang - Yên Bái, đường bộ cao tốc Bắc Quang - Cửa

khẩu quốc tế Lào Cai, đường bộ cao tốc nối đô thị Nà Hang - Chiêm Hóa với cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang, đường bộ cao tốc nối đô thị Sơn Dương với cao tốc Nội Bài - Lào Cai; các tuyến đường kết nối liên vùng: đường kết nối liên vùng Thái Nguyên - Tuyên Quang kết nối với CT.15 đoạn qua xã Bắc Quang, đường kết nối đô thị Tuyên Quang sang tỉnh Lào Cai và các tuyến giao thông có tiềm năng khác.

- Đường bộ: Tập trung nguồn lực đầu tư, xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông đồng bộ, hiện đại, gia tăng tính kết nối với các tỉnh và các trung tâm kinh tế lớn, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội. Cơ bản nâng cấp các tuyến đường tỉnh đạt tiêu chuẩn đường cấp IV đến cấp II. Xây dựng mới, mở rộng, cải tạo các tuyến đường trục chính đô thị, đường tránh đô thị, đường vành đai đô thị, các tuyến đường kết nối đô thị, khu du lịch với các trục giao thông, đầu mối giao thông lớn; nâng cấp, mở rộng một số tuyến đường kết nối tỉnh Tuyên Quang với các tỉnh lân cận; xây dựng mới các cầu đường bộ qua sông Lô, sông Gâm và các sông khác. Nâng cấp tuyến đường biên giới; tiếp tục hoàn thiện hệ thống đường tuần tra biên giới, đường ra các cột mốc biên giới, các trạm kiểm soát/đồn biên phòng. Cải tạo, nâng cấp và xây mới các bến xe tại trung tâm các xã; bố trí các bãi đỗ xe tập trung kết hợp với các chức năng sử dụng đất khác đảm bảo kết nối thuận lợi và an toàn.

- Đường sắt: Giai đoạn 2030-2050, thực hiện theo định hướng quy hoạch đường sắt quốc gia.

- Đường hàng không: Nghiên cứu, đầu tư xây dựng sân bay lưỡng dụng tại khu vực Tân Quang, sân bay chuyên dùng và thủy phi cơ tại khu vực Nà Hang, sân bay lưỡng dụng dân sự - quốc phòng tại khu vực phường Hà Giang 2. Nghiên cứu, thí điểm phát triển và triển khai hệ sinh thái kinh tế tầm thấp (ứng dụng công nghệ bay) trong lĩnh vực dịch vụ logistics, nông nghiệp, du lịch, giám sát và vận tải.

(Chi tiết tại Phụ lục V.1 kèm theo)

- Đường thủy: Đảm bảo hoạt động tuyến đường thủy nội địa quốc gia Việt Trì - Tuyên Quang từ cảng Việt Trì đến ngã ba sông Lô - Gâm. Phát triển các tuyến giao thông đường thủy nội địa địa phương trên các sông: Gâm, Lô, Miện, Nho Quế, Nhiệm, Bạc, Phó Đáy và trên các lòng hồ thủy điện,... Hình thành các cảng, bến thủy phục vụ nhu cầu giao thông vận tải, du lịch và phát triển kinh tế - xã hội.

(Chi tiết tại Phụ lục V.2 kèm theo)

- Xây dựng hệ thống cảng cạn, cụm cảng cạn tại khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy, khu công nghiệp, cụm công nghiệp và phục vụ các đô thị.

2. Phương hướng phát triển mạng lưới cấp điện

a) Nguồn điện: Phát triển các dự án năng lượng căn cứ vào nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và tiềm năng của địa phương; thu hút đầu tư phát triển thủy

điện, điện mặt trời, điện sinh khối, điện gió, các loại nguồn điện khác phù hợp với điều kiện thực tế và Quy hoạch phát triển điện lực. Xây dựng, quản lý vận hành các thủy điện gắn với điều tiết lũ, thủy lợi, sử dụng hiệu quả nguồn nước.

b) Lưới điện: Đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo, nâng cao hiệu quả của mạng lưới điện đảm bảo đồng bộ, đủ năng lực cấp điện cho nhu cầu sử dụng của các phụ tải trong tỉnh, bao gồm: Lưới điện 500kV, lưới điện 220kV, lưới điện 110kV, lưới điện phân phối trung, hạ áp. Chủ động kết nối mạng lưới điện cấp tỉnh và mạng lưới điện cấp quốc gia, đảm bảo hệ thống điện vận hành ổn định, phù hợp với tiêu chuẩn ngành điện.

Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp các trạm biến áp và đường dây 220kV, 110kV, công trình điện trung và hạ áp; xây dựng công trình điện lực đấu nối các nhà máy điện vào hệ thống điện. Đầu tư hiện đại hóa mạng lưới điện, nâng cao năng lực vận hành, độ tin cậy của hệ thống truyền tải và phân phối điện. Quy hoạch các trạm sạc xe điện tại các vị trí đủ điều kiện trên địa bàn tỉnh.

(Chi tiết tại Phụ lục VI.1, VI.2 kèm theo)

3. Phương hướng phát triển mạng lưới thủy lợi, cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải

a) Phương hướng phát triển mạng lưới thủy lợi

Duy trì các công trình thủy lợi hiện đang hoạt động bình thường, đầu tư xây dựng đồng bộ, hiện đại và từng bước hoàn thiện hệ thống công trình thủy lợi. Cải tạo, xây dựng mới các hồ treo, hồ chứa nước, các công trình tạo nguồn nước và hạ tầng kỹ thuật liên quan; áp dụng công nghệ trong xây dựng, vận hành công trình thủy lợi nhằm giảm chi phí, nâng cao năng lực hệ thống đáp ứng yêu cầu nước tưới cho sản xuất nông nghiệp và nước sinh hoạt cho khu vực nông thôn, vùng cao. Ưu tiên đầu tư kiên cố hóa công trình thủy lợi phục vụ các vùng chuyên canh nông nghiệp. Huy động nguồn lực xã hội, kết hợp hình thức Nhà nước và nhân dân cùng làm trong công tác kiên cố hóa kênh mương, nhất là các kênh mương nội đồng, tại các khu vực người dân có điều kiện về kinh tế.

(Chi tiết tại Phụ lục VII.2 kèm theo)

b) Phương hướng phát triển mạng lưới cấp nước

- Đối với các đô thị từ loại II, loại III: Đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng công suất các công trình cấp nước theo tiêu chuẩn cấp nước đô thị bảo đảm công suất cấp nước toàn hệ thống đô thị đáp ứng tiêu chuẩn cấp nước 150 lít/người/ngày-đêm, tỷ lệ dân cư được cung cấp nước sạch đạt 95%. Cải tạo, nâng công suất các công trình cấp nước hiện có; đầu tư xây dựng mới các công trình cấp nước tại các khu vực phát triển đô thị bảo đảm công suất cấp nước toàn hệ thống đô thị. Có phương án chống ngập, phòng chống rủi ro thiên tai, đảm bảo các nhà máy nước vận hành ổn định.

- Cấp nước khu vực nông thôn: Xây dựng, mở rộng hệ thống cấp nước sạch ở nông thôn; phấn đấu đến năm 2030, tỷ lệ sử dụng nước hợp vệ sinh ở nông thôn đạt 98%, tỷ lệ sử dụng nước sạch đạt tối thiểu 30%.

- Cấp nước công nghiệp: Đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp các công trình cấp nước bảo đảm đủ nước phục vụ sản xuất công nghiệp.

(Chi tiết tại Phụ lục VII.1 kèm theo)

c) Phương hướng phát triển hạ tầng thoát nước và xử lý nước thải

Quy hoạch, đầu tư phát triển hệ thống thoát nước, chống ngập tại các đô thị, điểm bố trí dân cư tập trung. Đầu tư hoàn thiện hệ thống thu gom nước thải, từng bước tách riêng hệ thống thu nước thải với hệ thống thu nước mưa tại các khu vực đô thị; xây dựng công trình xử lý nước thải tại các đô thị, ưu tiên các khu vực có lượng nước thải lớn như khu vực đô thị Tuyên Quang, Hà Giang, các đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Xây dựng khu xử lý nước thải công nghiệp đồng bộ với kết cấu hạ tầng các khu, cụm công nghiệp.

4. Phương hướng phát triển các khu xử lý chất thải

Đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cao năng lực tiếp nhận, xử lý của các khu xử lý chất thải cấp tỉnh, khu xử lý cấp xã đáp ứng yêu cầu xử lý chất thải; có lộ trình giảm dần tỷ lệ rác chôn lấp; xử lý ô nhiễm môi trường các khu xử lý rác. Thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển hoạt động thu gom, phân loại rác tại nguồn. Thu hút các dự án xử lý chất thải ứng dụng công nghệ hiện đại đáp ứng tiêu chuẩn.

(Chi tiết tại Phụ lục VIII kèm theo)

5. Phương hướng sắp xếp, phân bố nghĩa trang và nhà tang lễ

Xây dựng nghĩa trang, cơ sở hỏa táng tại địa điểm phù hợp phục vụ nhu cầu người dân các đô thị và khu vực nông thôn; xây dựng nhà tang lễ tại các đô thị đảm bảo tiêu chuẩn về phân loại đô thị. Cải tạo, tiếp tục sử dụng các nghĩa trang chưa lấp đầy; xây dựng, mở rộng nghĩa trang phù hợp với quy hoạch tại địa phương; di dời các nghĩa trang không đảm bảo yêu cầu bảo vệ môi trường. Thu hút đầu tư xây dựng một số nghĩa trang theo quy hoạch; tổ chức các dịch vụ tang lễ, mai táng.

(Chi tiết tại Phụ lục IX kèm theo)

6. Phương hướng phát triển phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ

Bố trí quỹ đất, đầu tư xây dựng trụ sở và doanh trại lực lượng phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ tại các đô thị bảo đảm gần khu dân cư, khu đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu du lịch, những nơi có nguy cơ xảy ra cháy, tai nạn; đảm bảo các yêu cầu về diện tích, liên kết thuận lợi với các tuyến đường giao thông. Đầu tư trang bị phương tiện, hệ thống thông tin liên lạc đáp ứng được tiêu chuẩn kỹ thuật chuyên ngành, phù hợp với nhiệm vụ. Bố trí, thiết lập hệ thống cấp nước chữa cháy phù hợp với yêu cầu phòng cháy chữa cháy tại từng địa bàn.

VI. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG XÃ HỘI

1. Phương hướng phát triển mạng lưới y tế và chăm sóc sức khỏe, cơ sở bảo trợ xã hội

Đầu tư cơ sở vật chất các đơn vị y tế theo hướng đồng bộ, hiện đại; ưu tiên các dự án trọng điểm, các cơ sở đã xuống cấp, quy mô chật hẹp, không còn đáp ứng; xây mới, nâng cấp các bệnh viện, trung tâm y tế, phòng khám đa khoa khu vực, trạm y tế, phấn đấu 100% các trạm y tế cấp xã, phòng khám đa khoa khu vực được đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị y tế, nhân lực đáp ứng chức năng nhiệm vụ. Hướng tới mục tiêu xây dựng hệ thống y tế từng bước hiện đại, công bằng, chất lượng, hiệu quả và hội nhập quốc tế; bảo đảm tính kế thừa, tính khả thi và phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Thu hút đầu tư, khuyến khích phát triển bệnh viện, cơ sở y tế tư nhân, cơ sở dưỡng lão ngoài công lập.

Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp, xây dựng bổ sung công trình chức năng Trung tâm Công tác xã hội và Quỹ Bảo trợ trẻ em tỉnh Tuyên Quang, Trung tâm Công tác xã hội Hà Giang tỉnh Tuyên Quang, Trung tâm chăm sóc và phục hồi chức năng người tâm thần tỉnh Tuyên Quang. Xây dựng mới 02 cơ sở Bảo trợ xã hội/Trung tâm chăm sóc người cao tuổi tỉnh Tuyên Quang.

(Chi tiết tại Phụ lục X kèm theo)

2. Phương hướng phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục và đào tạo

Đầu tư xây dựng, mở rộng, cải tạo, nâng cấp, nâng cao chất lượng cơ sở hạ tầng hệ thống trường lớp các bậc học phổ thông, mầm non theo hướng đạt chuẩn quốc gia, kiên cố hóa, phục vụ tốt nhu cầu học tập, giảng dạy. Chú trọng đầu tư phát triển, nâng cao chất lượng cơ sở hạ tầng hệ thống trường nội trú, bán trú, cơ sở giáo dục vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Đầu tư cơ sở hạ tầng các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn tỉnh đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo gắn với yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội. Rà soát, sắp xếp các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập bảo đảm quy mô, cơ cấu và hợp lý về ngành, nghề, trình độ đào tạo gắn với yêu cầu và xu hướng phát triển của thị trường lao động. Khuyến khích, ưu tiên phát triển các cơ sở giáo dục ngoài công lập, trường quốc tế ở các cấp học của hệ thống giáo dục.

3. Phương hướng phát triển hạ tầng khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, bưu chính, viễn thông

- Đầu tư xây dựng, nâng cấp, hiện đại hóa cơ sở vật chất các đơn vị sự nghiệp khoa học và công nghệ công lập, đảm bảo thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ theo chức năng. Từng bước hình thành và phát triển cơ sở vật chất, không gian khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, bao gồm các khu nghiên cứu, ứng dụng, xúc tiến đầu tư, chuyển giao công nghệ và ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ, phù hợp với quy hoạch và điều kiện thực tiễn của tỉnh.

- Phát triển hạ tầng mạng, viễn thông và công nghệ thông tin đồng bộ, hiện đại, làm nền tảng xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và đô thị thông minh. Từng bước đầu tư, nâng cao chất lượng hạ tầng viễn thông thế hệ mới, hạ tầng truyền dẫn, hạ tầng thông tin di động, mạng cáp quang và mạng truyền số liệu chuyên dùng cho các cơ quan Đảng, Nhà nước; phát triển hạ tầng Internet vạn vật (IoT), điểm cung cấp dịch vụ viễn thông, thực hiện ngầm hóa hạ tầng mạng cáp viễn thông. Nghiên cứu, đảm bảo các điều kiện để xây dựng hệ sinh thái hạ tầng phát triển kinh tế tầm thấp (hạ tầng vật chất, hạ tầng kỹ thuật số và công nghệ, thiết bị bay, hành lang pháp lý, nguồn lực và nguồn nhân lực...). Phát triển trung tâm dữ liệu, trung tâm điều hành thông minh, hạ tầng số, nền tảng số, dữ liệu số; hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung, chuyên ngành và dữ liệu mở; tăng cường đầu tư bảo đảm an toàn, an ninh mạng, phát triển nhân lực số; từng bước thực hiện lộ trình số hóa các hạ tầng thiết yếu phục vụ phát triển chính quyền số, đô thị thông minh, kinh tế số và xã hội số.

- Phát triển hạ tầng và dịch vụ bưu chính, chuyển phát theo hướng hiện đại, từng bước chuyển dịch từ bưu chính truyền thống sang bưu chính số, phục vụ chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và các dịch vụ logistics hỗ trợ thương mại điện tử. Thúc đẩy hoạt động của điểm bưu cục ngoại dịch, điểm thông quan hàng bưu chính tại cửa khẩu; phát triển bưu cục thông minh, triển khai nền tảng địa chỉ số gắn với bản đồ số quốc gia.

4. Phương hướng phát triển hạ tầng thương mại, dịch vụ, hội chợ, triển lãm

a) Phương hướng phát triển chợ, siêu thị, trung tâm thương mại

- Phát triển đồng bộ mạng lưới chợ truyền thống trên địa bàn toàn tỉnh với quy mô, cơ cấu, tính chất và công năng phù hợp với nhu cầu lưu thông hàng hóa và thị trường từng địa phương và các khu vực lân cận. Xây dựng chợ đầu mối bán buôn tại các khu vực sản xuất hàng hóa tập trung, có vị trí giao thông thuận lợi.

- Thu hút đầu tư các mô hình thương mại hiện đại, phát triển mới các siêu thị, trung tâm thương mại tại các đô thị gắn với trục động lực, các hành lang kinh tế, các khu công nghiệp, khu đô thị mới. Thu hút đầu tư, xây dựng siêu thị, trung tâm thương mại có quy mô phù hợp tại khu vực trung tâm các xã và khu vực nông thôn khác.

b) Phương hướng phát triển cơ sở xăng dầu, khí đốt

Phát triển hệ thống dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt đảm bảo đủ năng lực dự trữ, an toàn, ổn định, phục vụ sản xuất, kinh doanh. Quy mô, tiến độ đầu tư, công suất thiết kế phù hợp với nhu cầu phát triển trong giai đoạn điều chỉnh quy hoạch. Đầu tư xây dựng hệ thống kho chứa khí hóa lỏng, trạm nạp khí đáp ứng nhu cầu nhiên liệu khí đốt cho sản xuất, kinh doanh và dân dụng và hoạt động khác.

c) Phương hướng phát triển trung tâm logistics, kho hàng

Phát triển các khu dịch vụ thương mại tổng hợp logistics tại các vị trí phù

hợp gần các đầu mối giao thông, dọc các tuyến vận tải quan trọng trên địa bàn tỉnh, phù hợp với nhu cầu tập kết hàng hóa, thương mại; gắn kết với hệ thống bến bãi tập kết vật tư hàng hóa, kho trung chuyển, hệ thống trung tâm dịch vụ tiếp vận, phục vụ lưu thông hàng hóa và nguyên liệu phục vụ sản xuất kinh doanh và phát triển kinh tế - xã hội.

(Chi tiết tại Phụ lục XI kèm theo)

5. Phương hướng phát triển hạ tầng văn hóa, thể dục thể thao

Đầu tư xây dựng, hoàn thiện các thiết chế văn hóa (trung tâm văn hóa, thư viện, bảo tàng, sân vận động, nhà thi đấu...) phục vụ nhu cầu sinh hoạt văn hóa, tổ chức sự kiện của tỉnh và các địa phương.

VII. ĐỊNH HƯỚNG SỬ DỤNG ĐẤT

Quy hoạch, sử dụng hiệu quả, hợp lý, tiết kiệm tài nguyên đất đai. Thực hiện điều tra, đánh giá, thống kê, kiểm kê, đảm bảo quản lý đất đai đúng pháp luật, bền vững, có tầm nhìn dài hạn đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng - an ninh; phát triển giáo dục, văn hóa, thể thao; bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; tạo động lực cho sự phát triển của tỉnh. Đảm bảo việc bố trí sử dụng đất hợp lý trên cơ sở cân đối nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực phù hợp với chỉ tiêu sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 -2030.

Các chỉ tiêu, diện tích chuyển đổi đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp, đất ở, đất phát triển hạ tầng được tính toán, xác định trên cơ sở tuân thủ chỉ tiêu sử dụng đất Quốc gia, định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực và nhu cầu phát triển của địa phương để triển khai các phương án phát triển theo không gian, lãnh thổ và các công trình, dự án hạ tầng; khi cần thiết điều chỉnh thì báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

(Chi tiết tại Phụ lục XII kèm theo)

VIII. PHƯƠNG HƯỚNG BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC; QUẢN LÝ VỀ ĐỊA CHẤT, KHOÁNG SẢN; KHAI THÁC, SỬ DỤNG, BẢO VỆ TÀI NGUYÊN NƯỚC; PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

1. Phương hướng bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học

a) Phân vùng bảo vệ môi trường thành 03 vùng, gồm:

- Vùng bảo vệ môi trường nghiêm ngặt gồm: Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của các khu bảo tồn trên địa bàn tỉnh; khu vực bảo vệ I của các di tích cấp quốc gia, cấp tỉnh trên địa bàn; vùng bảo hộ vệ sinh nguồn nước của các công trình cấp nước sinh hoạt; khu vực nội thành, nội thị của các đô thị trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật về phân loại đô thị và quy định về bảo vệ môi trường.

- Vùng hạn chế phát thải gồm: Hành lang bảo vệ nguồn nước của các công

trình cấp nước sạch theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước; vùng đệm các vườn quốc gia, khu bảo tồn trên địa bàn tỉnh; khu vực hạn chế phát thải khác theo quy định về bảo vệ môi trường.

- Vùng khác: Là các vùng không gian còn lại của Tỉnh ngoài vùng bảo vệ môi trường nghiêm ngặt và vùng hạn chế phát thải.

b) Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học

- Bảo vệ, phục hồi và phát triển bền vững các hệ sinh thái tự nhiên đặc thù và đa dạng sinh học của tỉnh, trong đó chú trọng bảo tồn các loài, nguồn gen quý hiếm, có giá trị kinh tế cao; sử dụng hợp lý và bền vững tài nguyên đa dạng sinh học nhằm phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, duy trì và phát triển các dịch vụ hệ sinh thái, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu; từng bước ngăn chặn suy thoái hệ sinh thái và đa dạng sinh học, đồng thời nâng cao hiệu quả công tác quản lý và nhận thức cộng đồng về đa dạng sinh học; từng bước tạo sự chia sẻ trách nhiệm và lợi ích cộng đồng trong công tác bảo tồn đa dạng sinh học.

- Tiếp tục duy trì các khu rừng đặc dụng đã có trên địa bàn tỉnh, tăng cường quản lý, bảo vệ chặt chẽ các khu vực có tính đa dạng sinh học cao và dự kiến nâng cấp 02 khu bảo tồn: Khu dự trữ thiên nhiên Na Hang và Khu dự trữ thiên nhiên Cham Chu thành các khu bảo tồn cấp Quốc gia. Đề xuất thành lập mới khu bảo vệ cảnh quan đối với Khu bảo vệ cảnh quan Hồ Noong; đưa ra khỏi quy hoạch Khu Bảo tồn loài - sinh cảnh Vọc mũi hếch Cao Tả Tùng.

(Chi tiết tại Phụ lục XIII kèm theo)

c) Quan trắc tài nguyên và môi trường

Duy trì, nâng cấp hệ thống quan trắc hiện có; xây dựng mới và bố trí mạng lưới quan trắc môi trường, bao gồm các điểm quan trắc, trạm quan trắc tự động các thành phần môi trường đất, nước, không khí trên địa bàn tỉnh; đầu tư nâng cao năng lực phòng thí nghiệm, phân tích môi trường và hệ thống quản lý số liệu, dữ liệu quan trắc môi trường. Thực hiện liên kết mạng lưới, cơ sở dữ liệu, số liệu quan trắc môi trường tỉnh với mạng lưới, cơ sở dữ liệu, số liệu quan trắc môi trường quốc gia và kết nối mạng lưới quan trắc môi trường cấp vùng. Định kỳ thực hiện kiểm kê, đánh giá tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh. Nâng cao năng lực cảnh báo thiên tai, xây dựng hệ thống cảnh báo lũ ống, lũ quét, quan trắc trượt lở, nâng cấp trạm quan trắc tự động và các trạm khí tượng thủy văn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

d) Phát triển rừng bền vững

- Bảo vệ, sử dụng bền vững diện tích rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và diện tích rừng sản xuất. Hỗ trợ, tạo sinh kế, thúc đẩy sự tự quản trong cộng đồng dân cư sinh sống trong vùng đệm vườn quốc gia, khu bảo tồn. Hỗ trợ các bên liên quan trồng và bảo vệ rừng cảnh quan phục vụ phát triển du lịch và bảo vệ môi trường. Nâng cao năng lực, tăng cường sự phối hợp của các cơ quan thực thi pháp

luật trong quản lý, giám sát và xử lý vi phạm.

- Phát triển kinh tế lâm nghiệp gắn với bảo vệ và phát triển rừng bền vững; chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp theo hướng trồng cây đa mục đích, chú trọng thâm canh rừng gắn với chế biến lâm sản và khai thác lâm sản ngoài gỗ. Đối với phát triển lâm nghiệp vùng cao: Đẩy mạnh bảo vệ và phát triển rừng tự nhiên, rừng đặc dụng, rừng phòng hộ gắn với phát triển du lịch; lựa chọn các loại cây trồng bản địa phù hợp sinh thái, cây cho lâm sản ngoài gỗ. Phát huy tối đa các dịch vụ lâm nghiệp, dịch vụ môi trường rừng, phát triển thị trường các-bon.

2. Phương hướng quản lý về địa chất, khoáng sản

- Thực hiện nghiêm việc khoanh định, bảo vệ các khu vực điều tra cơ bản địa chất và các khu vực có khoáng sản Nhóm I, Nhóm II đã được xác định trong Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản cấp quốc gia. Chủ động rà soát, khoanh định các khu vực thăm dò, khai thác đối với khoáng sản Nhóm II, Nhóm III và Nhóm IV thuộc thẩm quyền quản lý của địa phương; các khu vực khai thác tận thu và các bãi thải mỏ để phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

- Các mỏ đang còn hiệu lực giấy phép tiếp tục hoạt động, đảm bảo công suất khai thác phù hợp với nhu cầu thị trường và quy định pháp luật. Đẩy mạnh công tác thăm dò, nâng cấp trữ lượng để đảm bảo tính liên tục của nguồn nguyên liệu. Khuyến khích và ưu tiên các dự án đầu tư sử dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại, thân thiện với môi trường; tập trung vào chế biến sâu để nâng cao hệ số thu hồi, giá trị sản phẩm và tiết kiệm tài nguyên; kiên quyết loại bỏ các công nghệ lạc hậu, gây ô nhiễm môi trường.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động khoáng sản, đặc biệt là khoáng sản Nhóm II, Nhóm III và Nhóm IV theo quy định phân cấp mới. Đảm bảo nguồn cung vật liệu xây dựng thông thường phục vụ nhu cầu xây dựng, phát triển; áp dụng linh hoạt các cơ chế đặc thù trong cấp phép khai thác theo quy định của Chính phủ và Quốc hội khi cần thiết. Đối với nhu cầu sử dụng đất cho các công trình phụ trợ mỏ: cho phép doanh nghiệp, chủ đầu tư được tự điều chỉnh diện tích và vị trí trong phạm vi ranh giới quản lý mỏ để phù hợp với quy mô khai thác thực tế và quy hoạch của địa phương.

(Chi tiết tại Phụ lục XIV kèm theo)

3. Phương hướng khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước; phòng, chống khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra

a) Sử dụng hợp lý, bền vững tài nguyên nước: Quản lý, khai thác, sử dụng hợp lý, bền vững nguồn tài nguyên nước phục vụ nhu cầu sinh hoạt của nhân dân và phát triển kinh tế-xã hội. Xây dựng công trình trữ nước, tạo nguồn nước cho khu vực vùng cao thiếu nước. Ưu tiên phân bổ nguồn nước cho các đối tượng theo

quy định của pháp luật.

b) Bảo vệ tài nguyên nước

- Khai thác sử dụng hợp lý tài nguyên nước mặt và nước dưới đất; tăng cường quản lý và bảo vệ môi trường nước, bảo vệ rừng đầu nguồn các con sông suối, hồ; chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu; sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả nguồn tài nguyên nước; tăng khả năng trữ và lưu giữ nước của các công trình hồ chứa, bảo đảm an ninh nguồn nước cho vùng; tăng cường hợp tác quốc tế trong quản lý, chia sẻ lợi ích từ tài nguyên nước.

- Kiểm soát hiệu quả các nguồn thải: Nước thải công nghiệp, sinh hoạt, y tế và các loại nước thải khác được thu gom và xử lý đạt quy chuẩn hiện hành.

- Phát triển, cải tạo các công trình tạo nguồn nước để bổ sung nguồn cấp nước, chống suy thoái cạn kiệt nguồn nước. Xây dựng các trạm/vị trí quan trắc tài nguyên nước và xả thải nước trên các dòng sông chính; xây dựng hành lang bảo vệ nguồn nước theo quy định.

c) Phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra

- Xây dựng, nâng cấp hệ thống mạng lưới quan trắc đối với nguồn nước mặt, nước dưới đất; tăng cường trồng rừng và bảo vệ rừng đầu nguồn. Hoàn thiện, nâng cấp mạng lưới các trạm cảnh báo thiên tai hiện có. Rà soát các công trình đập dâng, hồ chứa nước đã xuống cấp để có kế hoạch gia cố, nâng cấp. Xóa bỏ những khu vực có nguy cơ lũ quét cao bằng các công trình ổn định mái dốc, chống sạt lở.

- Triển khai hệ thống theo dõi, giám sát tình hình ngập lụt, hạn hán. Điều chỉnh công tác quản lý, vận hành các hồ chứa nước và nước ngầm phù hợp với việc điều tiết chống lũ, chống hạn. Sử dụng nước tiết kiệm, tăng cường các biện pháp trữ nước. Thay đổi các cơ cấu cây trồng phù hợp với tình hình hạn hán.

- củng cố hệ thống đê điều, công trình dưới đê và các công trình phụ trợ, công trình bảo vệ đê. Cải tạo các tuyến đê, kè, cống, lòng dẫn, cửa thoát lũ nhằm bảo đảm nhiệm vụ tưới, tiêu và vận hành an toàn hồ chứa trong mùa mưa lũ.

4. Phương hướng phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu

a) Phân vùng rủi ro thiên tai: Phân vùng rủi ro đối với từng loại thiên tai trên địa bàn tỉnh và xác định các khu vực ưu tiên phòng, chống đối với từng loại thiên tai bao gồm: lốc xoáy, mưa đá, nắng nóng, hạn hán, bão, áp thấp nhiệt đới, mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt, sét, sạt lở đất, sụt lún đất, sương muối, sương mù, cháy rừng do tự nhiên,...

b) Phương hướng quản lý rủi ro thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu

Củng cố, tu sửa, tu bổ và xây dựng các công trình phòng chống thiên tai, giám sát biến đổi khí hậu; di dời dân khỏi vùng sạt lở, lũ quét, ngập lụt; quy hoạch khu tái định cư bền vững; khắc phục, xử lý tình trạng ngập, úng khu vực ven các

sông Lô, sông Gâm,...; nạo vét, cải tạo và cứng hóa hệ thống ngòi tiêu. Tăng cường phòng ngừa kết hợp với phương châm tại chỗ. Sử dụng các giống cây trồng, vật nuôi có sức chống chịu cao với thời tiết khắc nghiệt, dịch bệnh. Xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu phòng chống thiên tai trên địa bàn tỉnh; nghiên cứu ứng dụng công nghệ hiện đại trong dự báo, cảnh báo, phòng, chống thiên tai, quản lý tài nguyên nước nhằm nâng cao năng lực ứng phó, giảm thiểu thiệt hại và phát triển bền vững.

IX. GIẢI PHÁP, NGUỒN LỰC THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Giải pháp về cơ chế, chính sách liên kết phát triển

Tích cực kết nối với các doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh, trong nước và nước ngoài để xúc tiến đầu tư, thương mại; tiếp tục triển khai hiệu quả các chương trình hợp tác với các địa phương đã ký kết; tăng cường quan hệ hợp tác với các tổ chức quốc tế tại Việt Nam, các cơ quan hợp tác quốc tế và xúc tiến thương mại nước ngoài, các đại sứ quán và cơ quan đại diện nước ngoài, các tổ chức phi chính phủ tại Việt Nam.

2. Giải pháp về huy động, sử dụng nguồn lực

- Nguồn vốn ngân sách nhà nước: Huy động tổng hợp các nguồn vốn đầu tư phát triển từ ngân sách tỉnh và Trung ương; tiếp tục tranh thủ sự hỗ trợ của Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương, các nhà tài trợ để thu hút các nguồn vốn từ ngân sách Trung ương, nguồn vốn hỗ trợ ODA và các nguồn vốn hỗ trợ khác để đầu tư các dự án lớn về kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi và các dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng xã hội.

- Nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước: Ưu tiên kêu gọi các tập đoàn kinh tế lớn có tiềm lực tài chính, các doanh nghiệp thuộc Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (VNR500) đầu tư các dự án vào tỉnh trong các lĩnh vực, đặc biệt là trong lĩnh vực du lịch, công nghiệp, thương mại, dịch vụ. Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh; tạo lợi thế trong việc thu hút nguồn vốn đầu tư trực tiếp và gián tiếp từ nước ngoài; thu hút các doanh nghiệp, đối tác mang theo công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, hệ thống quản lý hiện đại tạo tác động lan tỏa tích cực tới sự phát triển kinh tế của tỉnh; đa dạng hóa các hình thức huy động vốn. Tăng cường huy động vốn đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP).

- Huy động nguồn vốn từ chuyển đổi mục đích sử dụng đất: Rà soát, điều chỉnh các chính sách về đất đai, xây dựng nhằm điều tiết, thúc đẩy phát triển thị trường, huy động nguồn lực từ bất động sản cho phát triển. Rà soát, sắp xếp, sử dụng, xử lý đúng quy định, có hiệu quả đối với tài sản công sau sắp xếp tổ chức, đơn vị hành chính.

- Các biện pháp nâng cao hiệu quả đầu tư: Tăng cường quản lý các khâu của quá trình đầu tư, xây dựng; gắn công tác thanh tra, kiểm tra với đánh giá giám

sát đầu tư; nâng cao chất lượng công trình và hiệu quả đầu tư, quản lý nghiêm ngặt quá trình thực hiện dự án, chống lãng phí, thất thoát, nâng cao thẩm quyền và trách nhiệm cá nhân của chủ đầu tư, đơn vị tư vấn; định hướng, ban hành tiêu chí thu hút đầu tư có chọn lọc trong tình hình mới, phù hợp với mục tiêu phát triển nhanh, theo hướng bền vững.

3. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực

- Thực hiện có hiệu quả các chương trình, đề án, kế hoạch, dự án phát triển, đào tạo, nguồn nhân lực: Chương trình nâng cao chất lượng giáo dục đại học, cao đẳng và giáo dục nghề nghiệp; xây dựng Đề án việc làm trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Rà soát, xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 5 năm và hằng năm để nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ các kỹ năng cần thiết đảm bảo đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

- Phát triển nguồn nhân lực khu vực kinh tế tư nhân: Tập trung ưu tiên hỗ trợ đào tạo doanh nhân, chủ doanh nghiệp nhỏ và vừa. Thực hiện các chương trình, đề án đào tạo nhân lực chất lượng cao đối với các ngành, lĩnh vực quan trọng. Chú trọng phát hiện, bồi dưỡng, phát huy nhân tài, đào tạo nhân lực cho phát triển kinh tế tri thức. Điều chỉnh cơ cấu đào tạo theo hướng sát nhu cầu thực tế, tập trung vào các nghề, lĩnh vực thị trường có nhu cầu cao. Thực hiện các chương trình đào tạo kiến thức, kỹ năng cho nhân lực, lao động các làng nghề, hộ kinh doanh thích ứng với quy định mới, đủ năng lực tham gia chuỗi cung ứng hiện đại, hội nhập với môi trường kinh tế số, thương mại điện tử. Huy động và phát triển nguồn nhân lực trình độ cao, gắn với phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ phục vụ tái cấu trúc nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng, góp phần tăng nhanh năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

4. Giải pháp về bảo vệ môi trường

Tiếp tục nghiên cứu xây dựng, hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách bảo vệ môi trường ở cấp tỉnh đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất với hệ thống pháp luật chung, bám sát yêu cầu bảo vệ môi trường của địa phương. Tăng cường năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý môi trường, cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường từ tỉnh đến xã, phường đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ môi trường ngày càng lớn, phức tạp. Rà soát, đổi mới cơ chế, tạo thuận lợi cho các bên tham gia bảo vệ môi trường. Nâng cao năng lực các đơn vị thu gom, xử lý rác thải. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng các khu xử lý chất thải tập trung, nhà máy xử lý rác thải, nước thải.

5. Giải pháp về phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

- Tổ chức triển khai đồng bộ, hiệu quả Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày

22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Xác định khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là động lực then chốt, nền tảng quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững của tỉnh.

- Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao các thành tựu khoa học, công nghệ, nhất là công nghệ của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư vào các lĩnh vực trọng tâm, có thế mạnh của tỉnh; trước mắt tập trung đổi mới phương thức quản lý, điều hành trong hệ thống chính trị, xây dựng chính quyền điện tử, tiến tới chính quyền số; đồng thời thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số và đô thị thông minh.

- Tăng cường đầu tư cho hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước và phát triển kinh tế - xã hội. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ tiên tiến trong sản xuất, kinh doanh; quản lý nhà nước; y tế, giáo dục; an sinh xã hội; cứu hộ, cứu nạn; xây dựng và quản lý đô thị thông minh; phát triển các mô hình kinh tế mới; bảo đảm an toàn bức xạ và hạt nhân trong các hoạt động ứng dụng năng lượng nguyên tử trên địa bàn. Thực hiện hiệu quả các hoạt động hỗ trợ đăng ký, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, truy xuất nguồn gốc, xuất xứ sản phẩm, tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, kiểm định hàng hóa, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp địa phương.

- Chú trọng phát triển nguồn nhân lực khoa học, công nghệ và chuyển đổi số; nâng cao năng lực của mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ, các trung tâm nghiên cứu, ứng dụng tiên bộ khoa học và công nghệ. Từng bước đầu tư, hoàn thiện cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ nghiên cứu, ứng dụng và đổi mới sáng tạo. Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, mở rộng mạng lưới các tổ chức tư vấn, hỗ trợ và chuyển giao công nghệ, đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, cơ sở sản xuất trong khu vực nông nghiệp, nông thôn.

6. Giải pháp về quản lý, kiểm soát phát triển đô thị, nông thôn

- Khẩn trương lập các quy hoạch xây dựng đô thị, quy hoạch chung đô thị, quy hoạch phân khu, quy hoạch chung xã, quy hoạch điểm dân cư nông thôn và quy hoạch khác theo quy định của pháp luật làm cơ sở đầu tư xây dựng, quản lý phát triển đô thị và nông thôn. Triển khai xây dựng đô thị thông minh, ưu tiên thực hiện các phân hệ cấp thiết như giao thông thông minh, quản lý hạ tầng kỹ thuật thông minh, mô hình số đô thị, dịch vụ y tế, giáo dục thông minh. Ưu tiên vốn đầu tư xây dựng các công trình trục giao thông chính đô thị, hạ tầng kỹ thuật, hình thành khung hạ tầng các khu vực phát triển đô thị mới; xúc tiến thu hút đầu tư các dự án khu đô thị. Quản lý đô thị phù hợp với quy hoạch. Đầu tư xây dựng và hoàn thiện hệ thống thông tin đất đai, hồ sơ địa chính theo mô hình hiện đại, tập trung thống nhất, tích hợp. Chỉ đạo thực hiện nghiêm túc, công khai, minh bạch công tác giao đất, cho thuê đất để thực hiện các dự án phát triển kinh tế - xã

hội thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất.

- Thực hiện có hiệu quả các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026-2030. Quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh, tài nguyên, môi trường ở nông thôn theo quy định pháp luật. Quản lý chặt chẽ quá trình chuyển đổi đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp.

X. HỆ THỐNG SƠ ĐỒ, BẢN ĐỒ VÀ HỒ SƠ QUY HOẠCH

1. Danh mục sơ đồ, bản đồ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Phụ lục XV kèm theo.

2. Báo cáo tổng hợp điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 kèm theo.

Điều 2. Tổ chức thực hiện quy hoạch

1. Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định này là cơ sở để lập, thẩm định, phê duyệt các quy hoạch đô thị và nông thôn, các quy hoạch chuyên ngành theo quy định hiện hành.

2. Trách nhiệm của Sở Tài chính (Cơ quan lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh)

a) Tham mưu tổ chức công bố, công khai Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

b) Chịu trách nhiệm về tính chính xác của các nội dung, thông tin, số liệu, tài liệu, hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu trong hồ sơ Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; các ý kiến tiếp thu, giải trình đối với ý kiến thẩm định, góp ý của các bộ, ngành, địa phương, tổ chức, cá nhân có liên quan.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu xây dựng các văn bản triển khai, thực hiện Quy hoạch tỉnh; định kỳ tổ chức đánh giá thực hiện Quy hoạch tỉnh; rà soát điều chỉnh Quy hoạch tỉnh theo quy định của Luật Quy hoạch.

d) Trong quá trình triển khai, thực hiện Quy hoạch tỉnh, trường hợp có nội dung mâu thuẫn với quy hoạch cấp cao hơn, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

3. Các sở, ban, ngành, địa phương và các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm về tính chính xác của các nội dung, thông tin, số liệu, tài liệu, hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu trong hồ sơ Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 thuộc lĩnh vực ngành, địa phương quản lý; có trách nhiệm chủ động xây dựng, triển khai thực hiện các nội dung quy hoạch được điều chỉnh tại Quyết định này theo thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ được giao.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Các nội dung Quy hoạch được điều chỉnh tại Quyết định này thì thực hiện theo Quyết định này. Các nội dung khác không điều chỉnh tại Quyết định này thì thực hiện theo các văn bản được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /P/

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh: Thái Nguyên, Phú Thọ, Lào Cai, Cao Bằng;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các cơ quan trung ương trên địa bàn tỉnh;
- VPUBND tỉnh: Lãnh đạo, CVNCTH;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH.

CHỦ TỊCH**Phan Huy Ngọc**

TUYÊN